



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tư pháp đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (dự thảo Nghị định). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

1.1. Mục đích

Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được thực hiện bằng cách xem xét, đối chiếu, đánh giá các quy định của dự thảo Nghị định với các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung điều chỉnh liên quan nhằm đảm bảo việc thống nhất, phù hợp, không mâu thuẫn, chồng chéo giữa dự thảo và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; đồng thời phát hiện, xử lý, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không phù hợp trong dự thảo Nghị định.

1.2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm chỉ đạo, mục tiêu thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 13/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Thi hành án dân sự đối với các bản án, quyết định kinh doanh thương mại; bảo đảm sự phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tập hợp đầy đủ các văn bản cần rà soát; tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ).

- Kết quả rà soát phải nêu được cụ thể các nội dung đối chiếu, rà soát giữa dự thảo Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; đề xuất các phương án, giải pháp xử lý kết quả rà soát văn bản (nếu có).

2. Phạm vi, đối tượng, nội dung rà soát

2.1. Phạm vi, đối tượng

Đối tượng, phạm vi rà soát là các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, người có thẩm quyền ban hành (các văn bản quy phạm pháp luật từ cấp Thông tư trở lên) còn hiệu lực đến thời điểm rà soát (bao gồm cả các văn bản đã được ban hành nhưng đến thời điểm rà soát chưa có hiệu lực, trừ Hiến pháp) có liên quan trực tiếp tới nội dung dự thảo Nghị định.

2.2. Nội dung

Chú trọng rà soát các nội dung quy định gây khó khăn, vướng mắc khi thực hiện trên thực tiễn hoặc ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên đương sự, của nhà nước, đảm bảo không mâu thuẫn, chồng chéo, trùng lặp với hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Qua rà soát đã xác định được có **28** văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định bao gồm các văn bản sau:

1.1. Các văn bản do Quốc hội ban hành (11 văn bản)

- Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022);
- Luật Cán bộ công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019).
- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi bổ sung năm 2020);
- Luật Công chứng năm 2014;
- Luật Đấu giá tài sản năm 2024;
- Luật Đất đai năm 2024.

1.2. Các văn bản quy định chi tiết dưới Luật (17 văn bản)

- Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021);

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Thông tư số 200/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, kinh phí cưỡng chế Thi hành án dân sự;

- Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống thi hành án dân sự;

- Thông tư 38/2017/TT-BTTTT ngày 13/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các cơ quan báo chí xây dựng chương trình, nội dung phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân;

- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Thông tư 16/2022/TT-NHNN ngày 30/11/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Thông tư số 46/2022/TT-BCA ngày 04/11/2022 của Bộ Công an quy định về việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu Quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

- Thông tư số 02/2024/TT-BTP ngày 03/4/2024 của Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự;

- Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Kết quả cụ thể

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị định với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật hiện hành (kết quả rà soát cụ thể được tổng hợp tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này)/.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ, Ngành, đơn vị liên quan (để phối hợp);
- Tổng cục Thi hành án dân sự (để t/h);
- Lưu: VT, TCThi hành án dân sự.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Mai Lương Khôi

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 62/2015/NĐ-CP NGÀY 18/7/2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ¹

STT	Quy định tại dự thảo Nghị định có nội dung liên quan đến quy định tại VBQPPL khác		Quy định tại VBQPPL khác có nội dung liên quan	Đánh giá
	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định		
1.	Điểm a khoản 3 Điều 4	<i>Sự kiện bất khả kháng là trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa; dịch, bệnh truyền nhiễm do cơ quan có thẩm quyền công bố dẫn đến đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn.</i>	1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (<i>khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự 2015</i>). 2. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (<i>khoản 14 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính 2015</i>).	Phù hợp

¹ Trên cơ sở rà soát toàn bộ các quy định tại dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã thống kê và đánh giá các quy định tại dự thảo Nghị định có nội dung được điều chỉnh bởi các văn bản quy phạm pháp luật khác.

			3. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (<i>điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán TANDTC</i>)	
2.	Khoản 4 Điều 5	Khi đương sự có yêu cầu, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến và ký tên vào văn bản thỏa thuận trong trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này. Việc chứng kiến thỏa thuận phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thi hành án dân. <u>Đối với các trường hợp thỏa thuận giao quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản; giao quyền nuôi dưỡng, người chưa thành niên; giao quyền thăm nom, chăm sóc người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người không có khả năng lao động thì Chấp hành viên có thể chứng kiến ngoài trụ sở cơ quan thi hành án dân sự nếu</u>	1. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng (<i>Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015</i>) 2. Đương sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận.	Phù hợp

		<u>đương sự yêu cầu. Văn bản thỏa thuận phải có chữ ký của người làm chứng hoặc đại diện chính quyền cấp xã hoặc tổ dân phố nơi chứng kiến thỏa thuận.</u> Trường hợp phát hiện thỏa thuận vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội, không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba hoặc nhằm trốn tránh phí thi hành án thì Chấp hành viên từ chối chứng kiến thỏa thuận nhưng phải nêu rõ lý do từ chối vào biên bản thỏa thuận.	Theo yêu cầu của đương sự, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến việc thỏa thuận về thi hành án (<i>khoản 1 Điều 6 Luật Thi hành án dân sự</i>)	
3.	Khoản 7 Điều 9	<u>Khi tiến hành xác minh điều kiện thi hành án thì Chấp hành viên có thể xác minh thông qua ứng dụng định danh điện tử; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, đất đai và các cơ sở dữ liệu khác theo trình tự, thủ tục của pháp luật chuyên ngành. Kết quả xác minh được sử dụng để tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự</u>	<i>I. Về đối tượng khai thác thông tin:</i> 1.1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao qua việc kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định tại Điều 7 Nghị định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công quốc gia,	Phù hợp

		Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh hoặc khai thác bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin (Điều 8 Nghị định 137/2015/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 37/2021/NĐ-CP) 1.2. Các tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin (Điều 8 Nghị định 137/2015/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 37/2021/NĐ-CP). 1.3. Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin. Việc kết nối liên thông phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan (Điều 65, khoản 4 Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai 2024)	
--	--	--	--

		1.4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình (điểm b khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2024) 2. Về thẩm quyền quản lý, hướng dẫn: 2.1. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là Bộ Công an có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 3 Thông tư 46/2022/TT-BCA). 2.2. Cơ quan, tổ chức có hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng, thực hiện các dịch vụ khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về
--	--	---

			dân cư của cơ quan, đơn vị mình (<i>khoản 1 Điều 9 Thông tư 46/2022/TT-BCA</i>)	
4.		<u>Việc thông báo về thi hành án theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 Luật Thi hành án dân sự chỉ được thực hiện lần đầu, kể từ lần thứ 2 trở đi Chấp hành viên có thể lựa chọn hình thức thông báo trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác.</u> <u>Chấp hành viên ghi rõ trong văn bản thông báo lần đầu về việc từ lần thông báo thứ hai trở đi cơ quan thi hành án sẽ thực hiện thông báo theo hình thức nêu trên.</u> Việc thông báo trực tiếp cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện như sau: a) Do Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo;	1. Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải thông báo cho đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó (<i>khoản 1 Điều 39 Luật Thi hành án dân sự</i>). 2. Văn bản thông báo cho cá nhân phải được giao trực tiếp và yêu cầu người đó ký nhận hoặc điểm chỉ (<i>khoản 1 Điều 40 Luật Thi hành án dân sự</i>) 3. Việc niêm yết công khai văn bản thông báo chỉ được thực hiện khi không rõ địa chỉ của người được thông báo hoặc không thể thực hiện được việc thông báo trực tiếp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (<i>khoản 1 Điều 42 Luật Thi hành án dân sự</i>) 4. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng chỉ được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc khi đương sự có	Phù hợp
	Khoản 1 Điều 12			

		b) Do bưu tá; người được cơ quan thi hành án ủy quyền; tổ trưởng tổ dân phố; trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; Ủy ban nhân dân, công an cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được thông báo có địa chỉ, cư trú, công tác, chấp hành hình phạt tù giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo.	yêu cầu (khoản 1 Điều 43 Luật Thi hành án dân sự). Dự thảo Nghị định bổ sung thêm trường hợp pháp luật quy định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Điều 43 Luật Thi hành án dân sự. 5. Phương tiện thông tin đại chúng là phương tiện được cơ quan báo chí sử dụng để cung cấp, truyền dẫn thông tin tới đông đảo công chúng bao gồm các đài phát thanh, đài truyền hình, báo in, báo điện tử và trang/Cổng thông tin điện tử. (khoản 2 Điều 3 Thông tư 38/2017/TT-BTTTT ngày 13/12/2017)	
5.	Khoản 5 Điều 13	<u>Việc bán tài sản thi hành án là chứng khoán, cổ phần, phần vốn góp, giấy tờ có giá khác theo quy định tại Điều 83, Điều 92 Luật Thi hành án dân sự được thực hiện như sau:</u> a) <u>Đối với chứng khoán đang niêm yết hoặc đang đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán, Chấp hành viên</u>	1. Khái niệm các loại tài sản là chứng khoán, giấy tờ có giá khác: - Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản (khoản 1 Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015) - Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần (điểm a khoản	Phù hợp

	<u>ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo khoản 3 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp chứng khoán chưa được lưu ký thì Chấp hành viên thực hiện lưu ký theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</u> <u>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo hợp lệ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản, đương sự có quyền thỏa thuận việc bán chứng khoán theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật về chứng khoán. Trường hợp không thỏa thuận được hoặc hết thời hạn thỏa thuận thì trong ngày làm việc, Chấp hành viên yêu cầu Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chuyển chứng khoán đã bị kê biên cho cơ quan thi hành án dân sự. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao, Chấp hành viên thực hiện thủ tục để bán chứng khoán. Chứng khoán được bán theo phương thức khớp lệnh với mức giá năm</u>	<u>1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2020)</u> - Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó (<u>khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020)</u> - Chứng khoán là tài sản, bao gồm các loại sau đây: a) Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ” (Điều 1 khoản 1 điểm a); Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành (<u>điểm a khoản 1 Điều 1 Luật Chứng khoán năm 2019)</u> - Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác (<u>khoản 8 Điều 6 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010)</u>
--	--	--

		<u>trong biên độ giá giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại ngày thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty Chứng khoán bán chứng khoán và thông báo kết quả cho cơ quan thi hành án dân sự vào cuối mỗi ngày giao dịch. Số tiền thu được sau khi trừ thuế, phí liên quan trực tiếp đến việc bán chứng khoán được chuyển cho cơ quan thi hành án để thực hiện thanh toán theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.</u> <u>Trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án thì ngay khi ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản, Chấp hành viên yêu cầu Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chuyển chứng khoán đã bị kê biên cho cơ quan thi hành án dân sự và thực hiện việc bán chứng khoán theo quy định nêu trên.</u> <u>b) Đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam nhưng chưa niêm</u>	- Giấy tờ có giá là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác. Giấy tờ có giá bao gồm: giấy tờ có giá loại ghi sổ (dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử) và giấy tờ có giá loại chứng chỉ (khoản 1 Điều 3 Thông tư 16/2022/TT-NHNN ngày 30/11/2022) 2. Quy định về xử lý tài sản là vốn góp, giấy tờ có giá tại Luật Thi hành án dân sự: - “1. Chấp hành viên yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải thi hành án có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người phải thi hành án để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, Chấp hành viên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người phải thi hành án; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người phải thi
--	--	---	---

	<u>yết, đăng ký giao dịch thì Chấp hành viên ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự và thông báo cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trình tư, thủ tục định giá, bán chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Điều 98, Điều 99, Điều 101 Luật Thi hành án dân sự, pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan.</u> <u>c) Đối với cổ phần, phần vốn góp, giấy tờ có giá khác thì Chấp hành viên kê biên, xử lý theo quy định tại Điều 71, Điều 83, Điều 92, Điều 98, Điều 99, Điều 101 Luật thi hành án dân sự, pháp luật về bán đấu giá tài sản, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.</u> <u>Khi ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều này, Chấp hành viên đồng thời ban hành văn bản thông</u>	hành án để cưỡng chế thi hành án. 2. Dương sự có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần vốn góp của người phải thi hành án.” (Điều 82 Luật Thi hành án dân sự) - Việc bán giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định của pháp luật” (Điều 83 Luật Thi hành án dân sự) - Chứng khoán của công ty đại chúng và chứng khoán của các tổ chức khác niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phải được đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (khoản 1 Điều 61 Luật Chứng khoán) - Chứng khoán của công ty đại chúng và chứng khoán của các tổ chức khác niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phải được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi thực hiện giao dịch, trừ trường hợp khác theo	
--	---	--	--

		<u>báo về việc kê biên tài sản đó cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức phát hành chứng khoán hoặc doanh nghiệp nơi người phải thi hành án góp vốn và các cơ quan, tổ chức có liên quan để ngăn chặn việc chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng tài sản cho đến khi có quyết định của cơ quan thi hành án dân sự.</u>	quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khoản 1 Điều 62 Luật Chứng khoán) - Công ty chứng khoán, nhân viên công ty chứng khoán không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại Điều 19 Thông tư này (khoản 3 Điều 4 Thông tư 121/2020/TT-BTC). - Công ty chứng khoán thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán không được: Nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của người đứng tên tài khoản bằng văn bản (điểm d khoản 4 Điều 13 Thông tư 121/2020/TT-BTC). - Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán gồm trường hợp: Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của
--	--	---	--

			tòa án, quyết định của trọng tài hoặc quyết định của cơ quan thi hành án (<i>điểm e khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC</i>) - Điều 64 Luật Chứng khoán và Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 (Điều 6) của Bộ Tài chính Quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành đã quy định về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc quyết định của cơ quan thi hành án.	
6.	Khoản 6 Điều 13	<u>Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đang áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và chi phí thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều này mà người phải thi hành án còn tài sản khác thì Chấp hành viên có văn bản đề nghị cơ quan liên quan có thẩm quyền thông báo ngay cho cơ quan thi hành án</u>	1. Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành (<i>Điều 106 Hiến pháp 2013</i>). 2. Người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định	Phù hợp

		<u>dân sự khi phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản để phối hợp xử lý theo quy định pháp luật.”</u>	(điểm a khoản 2 Điều 7a Luật Thi hành án dân sự)	
7.		<u>Việc ra quyết định thi hành án mới theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự phải trên cơ sở quyết định hoặc phán quyết của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan. Cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi toàn bộ hoặc một phần quyết định thi hành án tương ứng với phần quyền, nghĩa vụ được chuyển giao trước khi ra quyết định thi hành án mới</u>	1. Trường hợp đương sự thỏa thuận về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ về thi hành án cho người thứ ba thì người thứ ba có quyền, nghĩa vụ của đương sự (khoản 4 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự) 2. Người có thẩm quyền ra quyết định về thi hành án ra quyết định thu hồi quyết định về thi hành án trong các trường hợp sau đây: a) Quyết định về thi hành án được ban hành không đúng thẩm quyền; b) Quyết định về thi hành án có sai sót làm thay đổi nội dung vụ việc; c) Căn cứ ra quyết định về thi hành án không còn; d) Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật này (khoản 1 Điều 37 Luật Thi hành án dân sự) 3. Điều 365 Bộ luật dân sự về chuyển giao quyền, Điều 368 Bộ luật dân sự về chuyển giao nghĩa vụ.	Phù hợp

8.	Khoản 1 Điều 27	<u>Trường hợp đương sự không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thì Chấp hành viên lựa chọn theo pháp luật về đấu giá tài sản.</u> Trước khi bán đấu giá tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản.	1. Đương sự có quyền thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày định giá. Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá do đương sự thỏa thuận. Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản (Khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự) 2. Sau khi có quyết định của người có thẩm quyền về việc đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của mình và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (Khoản 1 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản) 3. Sau khi có quyết định của người có thẩm quyền về việc đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của mình và	Phù hợp
----	-----------------	---	--	---------

			Công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản với đầy đủ tiêu chí quy định tại Điều 3 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này” (Điều 4 Thông tư 02/2022/TT-BTP)	
9.	Khoản 3 Điều 27	Trường hợp trong cùng một cuộc đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại. Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm. <u>Trường hợp người mua được tài sản đấu giá không nộp hoặc không nộp đủ tiền mua tài sản trong thời hạn quy định thì cơ quan thi hành án dân</u>	1. Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thỏa thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý (khoản 1 Điều 434 Bộ luật Dân sự 2015) 2. Khi các bên không thỏa thuận thời hạn giao tài sản thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán giao tài sản và bên bán cũng có quyền yêu cầu bên mua nhận tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý (khoản 2 Điều 434 Bộ luật Dân sự 2015) 3. Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian	Phù hợp

	<u>sự căn cứ quy định của pháp luật hủy bỏ giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc yêu cầu Tòa án hủy bỏ theo quy định của pháp luật.</u> <u>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản đấu giá nộp đủ tiền, cơ quan thi hành án dân sự tổ chức việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc chưa thống nhất được việc giao tài sản với các cơ quan liên quan.</u> Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá. Tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp trái pháp luật dẫn đến việc chậm giao tài sản bán đấu giá thành mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.	thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản (<i>khoản 3 Điều 434 Bộ luật Dân sự 2015</i>) 4. Tài sản được giao theo phương thức do các bên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì tài sản do bên bán giao một lần và trực tiếp cho bên mua (<i>khoản 1 Điều 436 Bộ luật Dân sự</i>) 5. Tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá, bao gồm: “đ. Tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” (<i>khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản</i>) 6. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết giữa người có tài sản đấu giá với người trúng đấu giá hoặc giữa người có tài sản đấu giá, người trúng đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản nếu các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của
--	--	---

		pháp luật về dân sự (<i>khoản 2 Điều 46 Luật Đầu tư tài sản</i>) 6. Khoản 3 Điều 27 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “3. Việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện như sau: a) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; ...d) Việc công chứng, chứng thực thực hiện theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực”. 7. Điều 5 Luật Công chứng quy định về giá trị pháp lý của văn bản công chứng: “1. Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. 2. Hợp đồng, giao dịch được công chứng có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan; trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ
--	--	---

		<i>trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch có thỏa thuận khác. 3. Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu.</i> <i>4. Bản dịch được công chứng có giá trị sử dụng như giấy tờ, văn bản được dịch”.</i>	
10.		1. Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán (Điều 430 Bộ luật dân sự) 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật này thì người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 2 Điều 46 Luật Đấu giá tài sản)	Phù hợp
	Khoản 4 Điều 27	Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá. Cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền đó vào ngân hàng theo hình thức gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng cho đến khi giao được tài sản, phần lãi tiền gửi <u>trong thời gian chưa giao được tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này</u> được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án.	

	<u>Quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà chưa giao được tài sản thì kể từ thời điểm này phần lãi tiền gửi thuộc về người mua tài sản. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thì người phải thi hành án, người có tài sản hoặc người đang quản lý tài sản thi hành án phải chịu mọi chi phí phát sinh, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</u> Trường hợp đến hạn theo hợp đồng bán đấu giá tài sản mà không giao được tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá thì người này có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng	3. Giá, phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận hoặc do người thứ ba xác định theo yêu cầu của các bên. Trường hợp pháp luật quy định giá, phương thức thanh toán phải theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thỏa thuận của các bên phải phù hợp với quy định đó (khoản 1 Điều 433 Bộ luật Dân sự) 4. Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thỏa thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý (khoản 1 Điều 434 Bộ luật Dân sự)	
11.	Khoản 2 Điều 28 Trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà không thu hồi được Giấy chứng nhận thì thực hiện như sau:	1. Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp: đ) Giấy chứng nhận đã cấp bị Tòa án có thẩm quyền tuyên hủy; e) Trường hợp đấu giá, giao quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Tòa án, cơ quan thi hành án mà người phải thi hành án không	Phù hợp

	a) <u>Cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 đối với Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu hoặc Văn phòng đăng ký đất đai quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024 đối với Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai;</u> b) <u>Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan có thẩm quyền nêu tại điểm a khoản 2 điều này quyết định thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai</u>	nộp giấy chứng nhận đã cấp (<u>điểm đ, e khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai</u>) 2. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với các trường hợp đăng ký lần đầu mà có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 219 của Luật này được quy định như sau: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại các khoản 1, 2, 5, 6 và 7 Điều 4 của Luật này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai cùng cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp quy định tại khoản này;
--	---	---

		b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Luật này. (Khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai) 3. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động được quy định như sau: a) Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài;
--	--	--

			b) Chi nhánh của tổ chức đăng ký đất đai hoặc tổ chức đăng ký đất đai thực hiện cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài; c) Tổ chức đăng ký đất đai, chi nhánh của tổ chức đăng ký đất đai được sử dụng con dấu của mình để thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận thay đổi vào giấy chứng nhận đã cấp. (Khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai) 4. Việc thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 và khoản 5 Điều 152 của Luật Đất đai như sau: a) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai quyết định thu hồi và chuyển quyết định đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận đã	
--	--	--	--	--

		cấp, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; b) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 136 của Luật Đất đai quyết định thu hồi và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. (Khoản 4 Điều 46 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024) 5. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 152 của Luật Đất đai mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không nộp Giấy chứng nhận thì việc hủy Giấy chứng nhận được thực hiện như sau: a) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp;
--	--	--

		b) Đối với Giấy chứng nhận đã cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì Văn phòng đăng ký đất đai quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp; c) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 152 của Luật Đất đai thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản này; d) Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; lập danh sách Giấy chứng nhận đã bị hủy gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử. (Khoản 8 Điều 46 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024) 6. Trường hợp thu hồi và hủy Giấy chứng nhận đã cấp là không quá 25 ngày làm việc; trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản	
--	--	--	--

			gắn liền với đất theo quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động tại Điều này. (Khoản 9 Điều 22 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024)	
12.	Khoản 6 Điều 38	<u>Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại căn cứ quy định tại Điều 4 Nghị định này và pháp luật khác có liên quan để xác định thời gian trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng và thời gian này không tính vào thời hạn khiếu nại theo khoản 2 Điều 140 Luật Thi hành án dân sự.”</u>	1. Trường hợp do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hạn khiếu nại (Điều 140 Luật Thi hành án dân sự) 2. Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính, hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau,	Phù hợp

			thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại (Điều 9 Luật Khiếu nại) 3. Trở ngại khách quan là trường hợp đương sự không nhận được bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ; đương sự đi công tác ở vùng biên giới, hải đảo mà không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức hoặc đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật hoặc do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan, cá nhân khác dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn (điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định 62/2015/NĐ-CP hiện hành).	
--	--	--	--	--

13.	Điểm e khoản 1 Điều 43	Chi phí khi đang tiến hành hoặc đã tổ chức cưỡng chế xong nhưng phải đình chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 50 Luật Thi hành án dân sự	1. Ngân sách nhà nước trả chi phí cưỡng chế thi hành án trong các trường hợp sau đây:....c) Chi phí cần thiết khác theo quy định của Chính phủ (điểm c khoản 3 Điều 73 Luật Thi hành án dân sự) 2. Nghĩa vụ chấm dứt khi: ...8. Bên có nghĩa vụ là cá nhân chết hoặc là pháp nhân chấm dứt tồn tại mà nghĩa vụ phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện (khoản 8 Điều 372 Bộ Luật Dân sự)	
14.	khoản 1 Điều 49	<u>Trường hợp thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự hoặc xử lý tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự mà trong cùng một bản án, quyết định đang do cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp tổ chức thi hành xác định có nhiều người được thi hành án nhưng chỉ một hoặc một số người yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự thanh toán cho những người đã yêu</u>	1. Điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự quy định: Trường hợp có nhiều người được thi hành án thì việc thanh toán tiền thi hành án được thực hiện như sau: “Số tiền thi hành án thu theo quyết định cưỡng chế thi hành án được thanh toán cho những người được thi hành án tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế đó; số tiền còn lại được thanh toán cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán”. 2. Khoản 2 Điều 3 Luật Thi hành án dân sự quy định: “Người được thi hành án là	Phù hợp

	<u>cầu thi hành án theo tỉ lệ mà họ được nhận, số tiền còn lại gửi vào ngân hàng theo hình thức tiền gửi kỳ hạn 01 tháng, đồng thời thông báo và ấn định thời hạn không quá 01 tháng cho những người được thi hành án chưa yêu cầu về quyền yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp đã hết thời hiệu.</u> <u>Hết thời hạn thông báo mà cơ quan thi hành án dân sự không nhận được yêu cầu thi hành án thì số tiền đã gửi và tiền lãi được thanh toán tiếp cho những người đã có yêu cầu thi hành án tính đến thời điểm hết thời hạn thông báo; số tiền còn lại (nếu có) được thanh toán cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán hoặc trả cho người có tài sản bị kê biên, xử lý.</u>	<u>cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng quyền, lợi ích trong bản án, quyết định được thi hành".</u> Do đó, dự thảo Nghị định cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với khái niệm về người được thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự và cũng nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của những người được thi hành án. 3. Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án hoặc trường hợp bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể thì số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế chấp, bị kê biên được ưu tiên thanh toán cho bên nhận cầm cố, thế chấp hoặc bên có nghĩa vụ được bảo đảm sau khi trừ án phí của bản án, quyết định đó, chi phí cưỡng chế và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 115 của Luật này". <i>(Khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự)</i>
--	--	--

15.	Khoản 2 và khoản 3 Điều 56 2. Bộ Tư pháp tổ chức thi tuyển Chấp hành viên; quy định nội dung, hình thức, trình tự thủ tục thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp. Nội dung, hình thức thi, <u>xét</u> nâng ngạch từ Chấp hành viên sơ cấp lên Chấp hành viên trung cấp, từ Chấp hành viên trung cấp lên Chấp hành viên cao cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự. <u>3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, ban hành tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch chấp hành viên sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ”.</u> 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý công chức được quy định tại Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, trong đó có: - Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống (<i>khoản 1 Điều 73</i>) - Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực được Quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định 62/2015/NĐ-CP hiện hành quy định thẩm quyền ban hành ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, mã số các ngạch Chấp hành viên của Bộ Nội vụ là chưa phù hợp. Do đó, dự thảo sửa đổi, bổ sung là phù hợp, đảm bảo thống nhất, đồng bộ quy định pháp luật.
-----	--

			giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ (<i>khảo 6 Điều 73</i>) - Tổ chức thi nâng ngạch công chức chuyên ngành tương đương ngạch chuyên viên cao cấp được giao quản lý và tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch đối với công chức thuộc phạm vi quản lý. (<i>khảo 7 Điều 73</i>) - Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ khác đối với công chức thuộc phạm vi quản lý (<i>khảo 8 Điều 73</i>) 2. Chấp hành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm (<i>khảo 2 Điều 17 Luật Thi hành án dân sự</i>)	
16.	Khoản 3 Điều 66	<u>Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch Thẩm tra viên sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ</u>	1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý công chức được quy định tại Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, trong đó có: Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ. (<i>khảo 6 Điều 73</i>)	Phù hợp

17.	Khoản 1 Điều 69	1. Việc bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch Thăm tra viên; nội dung, hình thức thi, <u>xét</u> nâng ngạch từ Thăm tra viên thi hành án lên Thăm tra viên chính thi hành án, từ Thăm tra viên chính thi hành án lên Thăm tra viên cao cấp thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự	Tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ “1. <i>Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống.</i>”	Phù hợp
-----	-----------------	--	---	---------

18.	Khoản 2, khoản 3 Điều 71	<u>2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch Thư ký thi hành án sau khi có ý kiến thống nhất với Bộ Nội vụ.</u> <u>3. Việc bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch Thư ký thi hành án; nội dung, hình thức thi, xét nâng ngạch từ Thư ký trung cấp lên Thư ký thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về thi hành án dân sự.</u> Thư ký thi hành án trong quân đội là sỹ quan hoặc quân nhân chuyên nghiệp. Việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký thi hành án trong quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định	1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý công chức được quy định tại Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, trong đó có: - Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống. (<i>khoản 1 Điều 73</i>) - Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực được	Phù hợp
-----	--------------------------------	---	--	---------

		giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ. (<i>khoản 6 Điều 73</i>) - Tổ chức thi nâng ngạch công chức chuyên ngành tương đương ngạch chuyên viên cao cấp được giao quản lý và tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch đối với công chức thuộc phạm vi quản lý. (<i>khoản 7 Điều 73</i>) - Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ khác đối với công chức thuộc phạm vi quản lý (<i>khoản 8 Điều 73</i>)	
19.	Khoản 6 Điều 72	<u>6. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong các cơ quan thi hành án dân sự có hành vi vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật.</u>	+ Luật Cán bộ, công chức: Chưa có quy định về việc xử lý trong trường hợp công chức chưa đến mức bị xử lý kỷ luật; + Quy định 132/QĐ-TW năm 2023 quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và các hoạt động khác; + Điều 167 Luật Thi hành án dân sự. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thi hành án dân sự, trong đó “1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính Phù hợp

			phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:...<i>d) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự;... ;</i> + Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thi hành án dân sự, thi hành án hành chính được quy định tại Khoản 13 Điều 2 Nghị định 96/2017/NĐ-CP. Cụ thể như sau: “a) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự; quyết định thành lập, giải thể các cơ quan thi hành án dân sự”. Như vậy, kết quả rà soát thực tiễn pháp luật hiện hành chưa có quy định về nguyên tắc, hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong các cơ quan thi hành án dân sự có hành vi vi phạm do thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật. Do đó, để có cơ sở xử lý trách nhiệm người giữ chức	
--	--	--	--	--

			danh tư pháp trong thi hành án dân sự thì cần có quy định pháp luật để thực hiện.	
20.		Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp, Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp được xếp lương công chức nhóm 1 của loại A1, A2 và A3 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. Thư ký thi hành án xếp lương công chức loại A1 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. <i>Thư ký trung cấp thi hành án xếp lương công chức loại A0 bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước.</i>	1. Công chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch cao hơn thì được đăng ký dự thi nâng ngạch hoặc xét nâng ngạch (Khoản 2 Điều 44 Luật Cán bộ công chức) 2 Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý công chức được quy định tại Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, trong đó có: - Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên,	Phù hợp

			nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống (<i>Khoản 1 Điều 73</i>) - Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ (<i>Khoản 6 Điều 73</i>) - Tổ chức thi nâng ngạch công chức chuyên ngành tương đương ngạch chuyên viên cao cấp được giao quản lý và tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch đối với công chức thuộc phạm vi quản lý. (<i>Khoản 7 Điều 73</i>) - Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ khác đối với công chức thuộc phạm vi quản lý (<i>Khoản 8 Điều 73</i>)	
21.	Khoản 4 Điều 83	<u>Căn cứ vào nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị và tình hình thực tế vùng miền, Bộ Tư pháp quyết định việc cấp phát, sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu thi hành án dân sự cho phù hợp</u>	Không có VBQPPL điều chỉnh có vấn đề mâu thuẫn, chồng chéo.	

22.	điểm c khoản 2 Điều 24	Bãi bỏ	1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành	Phù hợp
-----	---------------------------	--------	---	---------

			án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án (<i>khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự</i>) 2. Những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: ...2. Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân (<i>khoản 2 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015</i>) 3. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường hợp quy định tại Điều 42 của Luật này; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết (<i>khoản 1 Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình</i>)
--	--	--	---

			4. Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng, Tòa án giải quyết theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này <i>(khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình)</i>	
--	--	--	--	--

